

Số: 306/QĐ-STC

Ninh Bình, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 hiệu lực thi hành ngày 01/7/2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính Ninh Bình; Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc quy định cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của ông Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Tài chính Ninh Bình (Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc cơ quan Sở Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- KBNN tỉnh Ninh Bình;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu VT, VP. KT (05).



Hoàng Văn Kiên

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: Sở Tài chính Ninh Bình

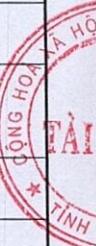
Mã số ĐVSDNS: 1017495

Mã KBNN nơi giao dịch: 1311 Văn phòng KBNN tỉnh Ninh Bình

Kèm theo Quyết định số 306/QĐ-STC ngày 15/12/2023 của Sở Tài chính)

ĐVT: 1000 đồng

Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
			DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	18.970.000	
I	340	341	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (1+2):	18.560.000	
1			Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.594.000	
2			Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.966.000	
2.1			Sửa chữa thường xuyên:	630.000	
			Sửa chữa bảo dưỡng các hạng mục công trình trụ sở Sở Tài chính	630.000	
2.2			Mua sắm tài sản:	-	
2.3			Các khoản chi đặc thù:	5.336.000	
-			Công tác thảo luận, tổng hợp và xây dựng dự toán NSNN trung ương và địa phương	630.000	
-			Kinh phí duy trì hệ thống thông tin QLNS và KB (Tabmis) trên địa bàn toàn tỉnh	45.000	
-			Công tác Quản lý tài sản nhà nước, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo kê khai tài sản NN của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh	180.000	
-			Công tác quyết toán NSNN trên địa bàn toàn tỉnh	450.000	
-			Phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát; kiểm toán...trong lĩnh vực tài chính ngân sách trên địa bàn toàn tỉnh	720.000	
-			Tổng hợp báo cáo công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí; công tác phòng chống tham nhũng và các báo cáo chuyên đề (UBND tỉnh giao)	180.000	(L. tỉnh giao)



Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
-			Bảo trì, bảo dưỡng hoạt động mạng Lan, các thiết bị tin học; Hỗ trợ triển khai các phần mềm chuyên ngành của Cục tin học - thống kê - Bộ Tài chính và các phần mềm liên quan khác	144.000	
			Kinh phí mua sắm và đảm bảo an toàn kho tài liệu lưu trữ	135.000	
-			Tổ chức thanh tra, kiểm tra tài chính các đơn vị trên địa bàn tỉnh; thanh tra tài chính theo kế hoạch hàng năm	360.000	
-			Phục vụ các đoàn liên ngành theo chỉ đạo của UBND tỉnh	108.000	
-			KP thực hiện cải cách hành chính	200.000	
			Kinh phí xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân	55.000	
			Kinh phí duy trì hệ thống ISO 9001:2015	12.000	
			Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên, thanh tra viên chính, tập huấn phòng chống tham nhũng, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo và nghiệp vụ chuyên môn khác...	27.000	
			Kinh phí chỉnh lý tài liệu	300.000	
			Kinh phí triển khai nhiệm vụ tài chính kế toán và các chính sách chế độ mới	270.000	
			Duy trì phần mềm quản lý tài sản	6.000	
			Trang phục thanh tra	63.000	
			Kinh phí Ban đổi mới doanh nghiệp	297.000	
			Kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất	450.000	
			Kinh phí đảm bảo an toàn phòng máy chủ và thông tin chuyên ngành tài chính	65.000	
			Kinh phí tuyên truyền về thành tựu, định hướng về phát triển kinh tế xã hội; thu hút đầu tư...	160.000	



Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
			<i>Kinh phí cấp lại sau thanh tra</i>	20.000	
			<i>Triển khai các nghị định của Chính phủ, các văn bản của trung ương về công tác quản lý, sử dụng tài sản công</i>	144.000	
			<i>Kinh phí phục vụ công tác thẩm định, trình duyệt các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, XD chính quyền điện tử, chuyển đổi số theo NQ 01-NQ/TU</i>	315.000	
III			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TỈNH GIAO (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ)	410.000	
1	280	322	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về phát triển du lịch	300.000	
2	280	281	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Mã CTMT: 00502)	50.000	
3	370	398	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững (Mã CTMT: 00477)	40.000	
4	070	098	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	20.000	

Chương: 418



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: Trung tâm tư vấn và dịch vụ tài chính công Ninh Bình

Mã số ĐVSDNS: 1004290

Mã KBNN nơi giao dịch: 1311 Văn phòng KBNN tỉnh Ninh Bình

Kèm theo Quyết định số 306/QĐ-STC ngày 15/12/2023 của Sở Tài chính)

DVT: 1000 đồng

Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
			DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4.272.000	
II	280	338	SỰ NGHIỆP KINH TẾ (Sau khi trừ tiết kiệm 10%)	4.272.000	
1			Chi thường xuyên giao tự chủ	3.810.000	
2			Chi thường xuyên không giao tự chủ	462.000	
2.1			Mua sắm	12.000	
			- Điều hòa	12.000	
2.2			Sửa chữa	-	
3			Đặc thù	450.000	
			- Duy trì phần mềm quản lý tài sản	2.000	
			- Kinh phí tổ chức thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương pháp tập trung	448.000	

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Mã KBNN nơi giao dịch: 1311 Văn phòng KBNN tỉnh Ninh Bình

Kèm theo Quyết định số 306/QĐ-STC ngày 15/12/2023 của Sở Tài chính)

ĐVT: 1000 đồng

Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		Ghi chú
					Văn phòng Sở Tài chính	Trung tâm tư vấn và dịch vụ TCC Ninh Bình	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8
			DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	23.242.000	18.970.000	4.272.000	
I	340	341	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (1+2):	18.560.000	18.560.000	-	
1			Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.594.000	12.594.000		
2			Kinh phí không giao quyền tự chủ	5.966.000	5.966.000	-	
2.1			Sửa chữa thường xuyên:	630.000	630.000		
			Sửa chữa bảo dưỡng các hạng mục công trình trụ sở Sở Tài chính	630.000	630.000		
2.2			Mua sắm tài sản:	-	-		
2.3			Các khoản chi đặc thù:	5.336.000	5.336.000		
-			Công tác thảo luận, tổng hợp và xây dựng dự toán NSNN trung ương và địa phương	630.000	630.000		
-			Kinh phí duy trì hệ thống thông tin QLNS và KB (Tabmis) trên địa bàn toàn tỉnh	45.000	45.000		
-			Công tác Quản lý tài sản nhà nước, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo kê khai tài sản NN của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh	180.000	180.000		
-			Công tác quyết toán NSNN trên địa bàn toàn tỉnh	450.000	450.000		
-			Phục vụ các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát; kiểm toán...trong lĩnh vực tài chính ngân sách trên địa bàn toàn tỉnh	720.000	720.000		
-			Tổng hợp báo cáo công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí; công tác phòng chống tham nhũng và các báo cáo chuyên đề (UBND tỉnh giao)	180.000	180.000		
-			Bảo trì, bảo dưỡng hoạt động mạng Lan, các thiết bị tin học; Hỗ trợ triển khai các phần mềm chuyên ngành của Cục tin học - thống kê - Bộ Tài chính và các phần mềm liên quan khác	144.000	144.000		
-			Kinh phí mua sắm và đảm bảo an toàn kho tài liệu lưu trữ	135.000	135.000		
-			Tổ chức thanh tra, kiểm tra tài chính các đơn vị trên địa bàn tỉnh; thanh tra tài chính theo kế hoạch hàng năm	360.000	360.000		
-			Phục vụ các đoàn liên ngành theo chỉ đạo của UBND tỉnh	108.000	108.000		
-			KP thực hiện cải cách hành chính	200.000	200.000		



Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		Ghi chú
					Văn phòng Sở Tài chính	Trung tâm tư vấn và dịch vụ TCC Ninh Bình	
			Kinh phí xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân	55.000	55.000		
			Kinh phí duy trì hệ thống ISO 9001:2015	12.000	12.000		
			Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên, thanh tra viên chính, tập huấn phòng chống tham nhũng, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo và nghiệp vụ chuyên môn khác...	27.000	27.000		
			Kinh phí chỉnh lý tài liệu	300.000	300.000		
			Kinh phí triển khai nhiệm vụ tài chính kế toán và các chính sách chế độ mới	270.000	270.000		
			Duy trì phần mềm quản lý tài sản	6.000	6.000		
			Trang phục thanh tra	63.000	63.000		
			Kinh phí Ban đổi mới doanh nghiệp	297.000	297.000		
			Kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất	450.000	450.000		
			Kinh phí đảm bảo an toàn phòng máy chủ và thông tin chuyên ngành tài chính	65.000	65.000		
			Kinh phí tuyên truyền về thành tựu, định hướng về phát triển kinh tế xã hội; thu hút đầu tư...	160.000	160.000		
			Kinh phí cấp lại sau thanh tra	20.000	20.000		
			Triển khai các nghị định của Chính phủ, các văn bản của trung ương về công tác quản lý, sử dụng tài sản công	144.000	144.000		
			Kinh phí phục vụ công tác thẩm định, trình duyệt các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, XD chính quyền điện tử, chuyển đổi số theo NQ 01-NQ/TU	315.000	315.000		
II	280	338	SỰ NGHIỆP KINH TẾ (Sau khi trừ tiết kiệm 10%)	4.272.000		4.272.000	
	1		Chi thường xuyên giao tự chủ	3.810.000	-	3.810.000	
	2		Chi thường xuyên không giao tự chủ	462.000	-	462.000	
	2.1		Mua sắm	12.000	-	12.000	
			- Điều hòa	12.000		12.000	
	2.2		Sửa chữa	-	-	-	
	2.3		Đặc thù	450.000	-	450.000	
			- Duy trì phần mềm quản lý tài sản	2.000		2.000	
			- Kinh phí tổ chức thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương pháp tập trung	448.000		448.000	
III			CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TỈNH GIAO (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ)	410.000	410.000	-	
	1	280	322	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về phát triển du lịch	300.000	300.000	

CHỦ N
SỞ
CHÍNH
NINH BÌNH

Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		Ghi chú
					Văn phòng Sở Tài chính	Trung tâm tư vấn và dịch vụ TCC Ninh Bình	
2	280	281	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Mã CTMT: 00502)	50.000	50.000		
3	370	398	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững (Mã CTMT: 00477)	40.000	40.000		
4	070	098	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	20.000	20.000		
			MÃ SỐ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH		1017495	1004290	

